

Số: 448/STP-XDKT&TDTHPL
V/v cung cấp thông tin về quy định và
nghịp vụ xử lý vi phạm hành chính liên
quan đến lĩnh vực phòng chống dịch bệnh
Covid-19 trên địa bàn tỉnh An Giang

An Giang, ngày 14 tháng 4 năm 2020

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng Tư pháp huyện, thị, thành phố;
- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Vừa qua, Sở Tư pháp An Giang nhận được ý kiến của một số địa phương về việc đề nghị hướng dẫn quy trình xử lý đối với các hành vi vi phạm quy định về thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19, Sở Tư pháp đã tiến hành tổng hợp các quy định có liên quan và tổ chức lấy ý kiến của Sở Y tế.

Sau khi được sự thống nhất của Sở Y tế, Sở Tư pháp cung cấp một số nội dung để các địa phương tham khảo, vận dụng phù hợp với quy định của pháp luật.

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Văn bản pháp luật liên quan

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 101/2010/NĐ-CP ngày 30/9/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp cách ly y tế, cường chế cách ly y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch.

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-BYT ngày 29/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc bổ sung bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi-rút

CORONA (nCov) gây ra vào danh mục các bệnh truyền nhiễm nhóm A theo quy định tại Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007;

2. Các quy định có liên quan đến thẩm quyền áp dụng của địa phương

2.1 Điều 52 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm:

“Điều 52. Các biện pháp chống dịch khác trong thời gian có dịch

1. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể áp dụng các biện pháp chống dịch sau đây:

a) Tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng có nguy cơ làm lây truyền bệnh dịch tại vùng có dịch;

b) Cấm kinh doanh, sử dụng loại thực phẩm được cơ quan y tế có thẩm quyền xác định là trung gian truyền bệnh dịch;

c) Hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ các hoạt động, dịch vụ tại nơi công cộng tại vùng có dịch.

2. Chính phủ quy định cụ thể việc áp dụng các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này.”

2.2 Điều 15 Nghị định số 100/2010/NĐ-CP ngày 30/9/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch

“Điều 15. Áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng

1. Điều kiện để quyết định việc áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng trong vùng đang có dịch:

a) Dịch đang lưu hành là dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A hoặc thuộc nhóm B nhưng có khả năng lây truyền ở mức độ cao theo quy mô và tính chất của từng loại bệnh truyền nhiễm;

b) Được cơ quan y tế có thẩm quyền xác định đường lây truyền của dịch là qua ăn, uống hoặc có nguy cơ trở thành trung gian truyền bệnh ở mức độ cao theo quy mô và tính chất của từng loại bệnh truyền nhiễm.

2. Việc hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng trong vùng đang có dịch được thực hiện khi cơ quan y tế có thẩm quyền xác định đã khống chế được dịch bệnh truyền nhiễm.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là huyện) xem xét, quyết định việc áp dụng hoặc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng trong trường hợp dịch xảy ra trên địa bàn theo đề nghị của Thường trực Ban Chỉ đạo chống dịch cấp huyện.

4. Nội dung của quyết định áp dụng hoặc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng:

a) Quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng phải quy định rõ loại hình dịch vụ ăn uống bị tạm đình chỉ, phạm vi và thời gian áp dụng quyết định;

b) Quyết định hủy bỏ việc áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng phải quy định rõ loại hình dịch vụ ăn uống được hủy bỏ áp dụng theo quyết định tạm đình chỉ, phạm vi và thời gian áp dụng.

5. Trường hợp hết thời gian trong quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng nhưng dịch vẫn chưa được khống chế, Thường trực Ban Chỉ đạo chống dịch có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tương ứng để xem xét, quyết định việc ban hành quyết định điều chỉnh thời gian áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng.”

2.3 Khoản 9 Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương

“Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện là người đứng đầu Ủy ban nhân dân huyện và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1...

9. Chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; chỉ đạo và áp dụng các biện pháp để giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật.”

II. CÁC HÀNH VI VI PHẠM

1. Các hành vi bị nghiêm cấm

Theo quy định tại Điều 8 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, các hành vi sau đây bị nghiêm cấm:

- Cố ý làm lây lan tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.
- Người mắc bệnh truyền nhiễm, người bị nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm và người mang mầm bệnh truyền nhiễm làm các công việc dễ lây truyền tác nhân gây bệnh truyền nhiễm theo quy định của pháp luật.
- Che giấu, không khai báo hoặc khai báo không kịp thời các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm theo quy định của pháp luật.
- Cố ý khai báo, thông tin sai sự thật về bệnh truyền nhiễm.
- Phân biệt đối xử và đưa hình ảnh, thông tin tiêu cực về người mắc bệnh truyền nhiễm.
- Không triển khai hoặc triển khai không kịp thời các biện pháp phòng, chống bệnh truyền nhiễm theo quy định của Luật này.
- Không chấp hành các biện pháp phòng, chống bệnh truyền nhiễm theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

2. Các hành vi vi phạm phổ biến liên quan đến dịch bệnh Covid-19

Điểm a Khoản 2 Điều 5 Nghị định 176/2013/NĐ-CP:

- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: Cung cấp hoặc đưa tin sai về số liệu, tình hình dịch bệnh truyền nhiễm so với số liệu, tình hình dịch bệnh truyền nhiễm mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền về y tế đã công bố.

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc cải chính thông tin sai sự thật trên phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn liên tục trong 03 ngày.

Điều 6 Nghị định 176/2013/NĐ-CP:

- Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không khai báo khi phát hiện người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.

- Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Che giấu hiện trạng bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A của bản thân hoặc của người khác mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A;

+ Không thực hiện việc xét nghiệm phát hiện bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 9 Nghị định 176/2013/NĐ-CP

- Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Không khai báo hoặc khai báo không trung thực, kịp thời diễn biến bệnh truyền nhiễm của bản thân với thầy thuốc, nhân viên y tế được giao nhiệm vụ;

+ Không tuân thủ chỉ định, hướng dẫn phòng, chống lây nhiễm bệnh truyền nhiễm của thầy thuốc, nhân viên y tế và nội quy, quy chế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

+ Không đăng ký theo dõi sức khỏe với trạm y tế xã, phường, thị trấn nơi cư trú của người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A sau khi ra khỏi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Không bảo đảm trang phục phòng hộ, điều kiện vệ sinh cá nhân cho thầy thuốc, nhân viên y tế, người bệnh và người nhà người bệnh;

+ Không thông báo thông tin liên quan đến người mắc bệnh truyền nhiễm đang được khám, điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của mình cho cơ quan y tế dự phòng trên địa bàn;

+ Không tư vấn về các biện pháp phòng, chống bệnh truyền nhiễm cho người bệnh và người nhà người bệnh;

+ Không theo dõi sức khỏe của thầy thuốc, nhân viên y tế trực tiếp tham gia chăm sóc, điều trị người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.

+ Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện các biện pháp tẩy uế, khử khuẩn chất thải, quần áo, đồ dùng, môi trường xung quanh, phương tiện vận chuyển người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B và C.

- Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện các biện pháp tẩy uế, khử khuẩn chất thải, quần áo, đồ dùng, môi trường xung quanh, phương tiện vận chuyển người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Từ chối tiếp nhận người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A vào cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là: Buộc tiếp nhận người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.

+ Không thực hiện các biện pháp phòng, chống lây nhiễm bệnh đối với người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.

Điều 10 Nghị định 176/2013/NĐ-CP

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Không tổ chức thực hiện việc cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế đối với trường hợp phải thực hiện việc cách ly y tế theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 10. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện việc cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế.

+ Từ chối hoặc trốn tránh việc áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 10. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện việc cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế.

+ Không lập danh sách và theo dõi sức khỏe của những người tiếp xúc với người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế theo quy định của pháp luật;

+ Thực hiện việc cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế tại địa điểm không đủ điều kiện thực hiện cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế theo quy định của pháp luật.

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Không tổ chức thực hiện việc cách ly y tế đối với người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện việc cách ly y tế.

+ Từ chối hoặc trốn tránh việc áp dụng quyết định cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A, đối tượng kiểm dịch y tế biên giới mắc bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện việc cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế.

Điều 11 Nghị định 176/2013/NĐ-CP

- Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Không thực hiện biện pháp bảo vệ cá nhân đối với người tham gia chống dịch và người có nguy cơ mắc bệnh dịch theo hướng dẫn của cơ quan y tế;

+ Không thông báo Ủy ban nhân dân và cơ quan y tế dự phòng trên địa bàn về các trường hợp mắc bệnh dịch theo quy định của pháp luật.

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Che dấu tình trạng bệnh của mình hoặc của người khác khi mắc bệnh truyền nhiễm đã được công bố là có dịch;

+ Không thực hiện hoặc từ chối thực hiện các biện pháp vệ sinh, diệt trùng, tẩy uế trong vùng có dịch. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện các biện pháp vệ sinh, diệt trùng, tẩy uế trong vùng có dịch.

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Không tham gia chống dịch theo quyết định huy động của Ban Chỉ đạo chống dịch;

+ Thực hiện việc thu phí khám và điều trị đối với trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hoàn trả số tiền đã thu không đúng quy định của pháp luật. Trường hợp không hoàn trả được cho đối tượng thì nộp vào ngân sách nhà nước;

+ Không thực hiện quyết định buộc tiêu hủy động vật, thực vật và vật khác là trung gian truyền bệnh, trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều này.

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng có nguy cơ làm lây truyền bệnh dịch tại vùng có dịch;

+ Không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp cấm kinh doanh, sử dụng loại thực phẩm là trung gian truyền bệnh;

+ Không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Không thực hiện quyết định kiểm tra, giám sát, xử lý y tế trước khi ra vào vùng có dịch thuộc nhóm A;

+ Đưa ra khỏi vùng có dịch thuộc nhóm A những vật phẩm, động vật, thực vật, thực phẩm và hàng hóa khác có khả năng lây truyền bệnh dịch;

+ Không thực hiện quyết định buộc tiêu hủy động vật, thực phẩm, thực vật và các vật khác là trung gian truyền bệnh thuộc nhóm A. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tiêu hủy động vật, thực phẩm, thực vật và các vật khác.

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Không thực hiện yêu cầu kiểm tra và xử lý y tế đối với phương tiện vận tải trước khi ra khỏi vùng có dịch trong tình trạng khẩn cấp về dịch;

+ Không thực hiện quyết định cấm tập trung đông người tại vùng đã được ban bố tình trạng khẩn cấp về dịch;

+ Đưa người, phương tiện không có nhiệm vụ vào ổ dịch tại vùng đã được ban bố tình trạng khẩn cấp về dịch;

+ Không thực hiện quyết định buộc tiêu hủy động vật, thực phẩm, thực vật và các vật khác có nguy cơ làm lây lan bệnh dịch sang người tại vùng đã được ban bố tình trạng khẩn cấp về dịch. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tiêu hủy động vật, thực phẩm, thực vật và các vật khác.

Điều 12 Nghị định 176/2013/NĐ-CP

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Không thực hiện khai báo về kiểm dịch y tế biên giới theo quy định;

+ Từ chối kiểm tra y tế đối với đối tượng phải kiểm dịch y tế.

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Không chấp hành hướng dẫn thực hiện kiểm tra thực tế của kiểm dịch viên y tế đối với đối tượng phải kiểm dịch y tế;

+ Không báo tín hiệu xin kiểm dịch y tế theo quy định của pháp luật đối với chủ phương tiện vận tải đường thủy nhập cảnh;

+ Không thực hiện biện pháp chống chuột và trung gian truyền bệnh khác trên phương tiện vận tải khi các phương tiện đó đỗ, neo đậu vào ban đêm hoặc quá 24 giờ tại khu vực cửa khẩu, khu vực kiểm dịch y tế theo quy định của pháp luật;

+ Không liên lạc bằng vô tuyến điện cho tổ chức kiểm dịch y tế biên giới tại cửa khẩu trước khi tàu bay hạ cánh trong trường hợp hành khách hoặc phi hành đoàn trên chuyến bay có triệu chứng hoặc có dấu hiệu mắc bệnh truyền nhiễm theo quy định của pháp luật.

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung giấy chứng nhận kiểm dịch y tế. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tiêu hủy giấy chứng nhận kiểm dịch y tế biên giới.

+ Vận chuyển thi hài, hài cốt, tro cốt, chế phẩm sinh học, vi trùng, mô, bộ phận cơ thể người, máu và các thành phần của máu qua cửa khẩu mà chưa được tổ chức kiểm dịch y tế kiểm tra và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế;

+ Che giấu hoặc xóa bỏ hiện trạng phải kiểm dịch y tế.

- Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Không thực hiện việc cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế, xử lý y tế đối với người, phương tiện vận tải, hàng hóa mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện việc cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế, xử lý y tế đối với người, phương tiện vận tải, hàng hóa mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A

+ Giả mạo giấy chứng nhận kiểm dịch y tế. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tiêu hủy giấy chứng nhận kiểm dịch y tế biên giới.

**Lưu ý:*

Một người phạm có thể bị áp dụng nhiều chế tài xử phạt hành chính khác nhau tùy thuộc hành vi vi phạm do họ thực hiện.

Mức phạt tiền nêu trên là mức phạt tiền đối với cá nhân. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

- Bước 1: Buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính (Áp dụng Điều 55 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012)

Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ buộc chấm dứt ngay hành vi vi phạm hành chính. Buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính được thực hiện bằng lời nói, còi, hiệu lệnh, văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Xem xét hành vi vi phạm có thuộc trường hợp không lập biên bản vi phạm hành chính hay không (Áp dụng Điều 56 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012). Nếu hành vi không rơi vào trường hợp này thì chuyển sang Bước 3

Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản được áp dụng trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ.

Trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ thì phải lập biên bản.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ, tên, địa chỉ của cá nhân vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; hành vi vi phạm; địa điểm xảy ra vi phạm; chứng cứ và tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm; họ, tên, chức vụ của người ra quyết định xử phạt; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng. Trường hợp phạt tiền

thì trong quyết định phải ghi rõ mức tiền phạt. (*Mẫu Quyết định số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP*)

- Bước 3: Lập biên bản vi phạm hành chính (*Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP*).

Khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản, trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản.

Trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ thì việc lập biên bản vi phạm hành chính được tiến hành ngay khi xác định được tổ chức, cá nhân vi phạm.

Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính chỉ có quyền lập biên bản về những vi phạm thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về việc lập biên bản. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế được quy định cụ thể tại Điều 94 Nghị định 176/2013/NĐ-CP như sau: “*Người có thẩm quyền xử phạt; công chức, viên chức thuộc ngành y tế, bảo hiểm xã hội đang thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính có trách nhiệm lập biên bản và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.*”

Biên bản vi phạm hành chính phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; hành vi vi phạm; biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý; tình trạng tang vật, phương tiện bị tạm giữ; lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, lời khai của họ; quyền và thời hạn giải trình về vi phạm hành chính của người vi phạm hoặc đại diện của tổ chức vi phạm; cơ quan tiếp nhận giải trình.

(*Biên bản vi phạm hành chính áp dụng theo mẫu Biên bản số 01 kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính*).

Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh không ký vào biên bản thì phải có chữ ký của đại diện chính quyền địa phương nơi xảy ra vi phạm.

Biên bản vi phạm hành chính phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký; trường hợp người vi phạm không ký được thì điểm chỉ; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì họ cùng phải ký vào biên bản; trường hợp biên bản gồm nhiều tờ, thì những người được quy định tại khoản này phải ký vào từng tờ biên bản (*Nếu người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị*

thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại từ chối ký thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản).

Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất 02 bản, sau khi lập xong phải giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính 01 bản.

Trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản phải được chuyển ngay đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt.

Trường hợp người chưa thành niên vi phạm hành chính thì biên bản còn được gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó.

**** Lưu ý việc xác định dấu hiệu pháp lý cấu thành hành vi vi phạm hành chính:***

Trước khi tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính phải xác định đầy đủ 04 dấu hiệu pháp lý cấu thành hành vi vi phạm hành chính:

(1) Chủ thể thực hiện hành vi vi phạm (*Người thực hiện hành vi: Cá nhân hay tổ chức có năng lực chịu trách nhiệm hành chính*);

(2) Khách thể: Là trật tự quản lý hành chính trong tất cả lĩnh vực được pháp luật bảo vệ;

(3) Chủ quan: Yếu tố lỗi:

- Cố ý: Thể hiện ở chỗ người có hành vi vi phạm nhận thức được tính chất nguy hại cho xã hội của hành vi, nhưng vẫn thực hiện hoặc để mặc cho hậu quả của hành vi đó xảy ra;

- Vô ý: Thể hiện ở chỗ người vi phạm không biết hoặc không nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, mặc dù cần phải biết và nhận thức được nhưng cho rằng có thể ngăn ngừa được hậu quả của hành vi trái pháp luật đó;

(4) Khách quan: Hành vi xâm hại trật tự quản lý hành chính (*hành động hoặc không hành động*), hậu quả của hành vi.

(Lưu ý: Lựa chọn và áp dụng văn bản pháp luật, quy phạm pháp luật để đánh giá hành vi).

**** Lưu ý việc tạm giữ ngay tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (theo Khoản 4, Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính):***

Khi lập biên bản vi phạm hành chính nếu thấy cần thiết và có căn cứ thì tiến hành tạm giữ ngay tang vật phương tiện vi phạm hành chính theo quy định tại Khoản 4, Điều 125, Luật xử lý vi phạm hành chính; cụ thể:

“... Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản, người lập biên bản phải báo cáo thủ trưởng của mình là người có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được quy định tại khoản 1 Điều này để xem xét ra quyết định tạm giữ; đối với trường hợp tang vật là hàng hóa dễ hư hỏng thì người tạm giữ phải báo cáo ngay thủ trưởng trực tiếp để xử lý, nếu dễ hư hỏng hoặc thất thoát thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp không ra quyết định tạm giữ thì phải trả lại ngay tang vật, phương tiện đã bị tạm giữ”.

Việc áp dụng quy định này để thực hiện tạm giữ tang vật phương tiện vi phạm hành chính cần xem xét cẩn thận và tuân thủ các quy định sau:

(1) Căn cứ để tạm giữ:

Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải đảm bảo căn cứ quy định tại Khoản 1, Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính:

“Việc tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp thật cần thiết sau đây:

a) Để xác minh tình tiết mà nếu không tạm giữ thì không có căn cứ ra quyết định xử phạt. Trường hợp tạm giữ để định giá tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt thì áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 60 của Luật này;

b) Để ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hành chính mà nếu không tạm giữ thì sẽ gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội;

c) Để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 6 Điều này”.

(2) Thẩm quyền tạm giữ:

Khoản 3, Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: *“Người có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại Chương II Phần thứ hai của Luật này thì có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính”.*

Do đó, trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản, người lập biên bản phải báo cáo thủ trưởng của mình là người có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để xem xét, ban hành quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

(3) Thời hạn tạm giữ:

Thời hạn tạm giữ được quy định tại Khoản 8, Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính, cụ thể:

“Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề là 07 ngày, kể từ ngày tạm giữ. Thời hạn tạm giữ có thể được kéo dài đối với những vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp, cần tiến hành xác minh nhưng tối đa không quá 30 ngày, kể từ ngày tạm giữ tang vật, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

Đối với vụ việc thuộc trường hợp quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 66 của Luật này mà cần có thêm thời gian để xác minh thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn việc tạm giữ; việc gia hạn phải bằng văn bản, thời hạn gia hạn không được quá 30 ngày.

Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề được tính từ thời điểm tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ thực tế.

Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề không vượt quá thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 66 của Luật này, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này”.

(4) Lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải lập biên bản theo Mẫu biên bản số 07 (Ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ), **đồng thời phải tuân** thủ Khoản 9 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính:

“Mọi trường hợp tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề phải được lập thành biên bản. Trong biên bản phải ghi rõ tên, số lượng, chủng loại, tình trạng của tang vật, phương tiện bị tạm giữ và phải có chữ ký của người ra quyết định tạm giữ, người vi phạm; trường hợp không xác định được người vi phạm, người vi phạm vắng mặt hoặc không ký thì phải có chữ ký của 02 người làm chứng. Biên bản phải được lập thành 02 bản, người có thẩm quyền tạm giữ giữ 01 bản, người vi phạm giữ 01 bản.”

(5) Tổng đạt quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải có quyết định bằng văn bản kèm theo biên bản tạm giữ và phải giao cho người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm 01 bản (Khoản 5 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính). Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, khi tổng đạt cho người vi phạm phải lập biên bản tổng đạt.

Ghi chú: Nơi tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải đảm bảo an toàn, không để xảy ra hư hao, mất mát và phải có người trông giữ.

- Bước 4: Xem xét vụ việc vi phạm hành chính trước khi ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền xử phạt có thể xem xét các nội dung sau:

1. Xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính (Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012), bao gồm:

- Có hay không có việc vi phạm hành chính;
- Cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính, lỗi, nhân thân của cá nhân vi phạm hành chính;
- Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ;
- Tính chất, mức độ thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra;
- Tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc xem xét, quyết định xử phạt;
- Xem xét vụ việc có thuộc các trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hay không? Tang vật vi phạm, tài liệu, chứng cứ cần trưng cầu giám định; những chứng cứ cần xác minh, bổ sung hoặc làm rõ (*Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính phải được thể hiện bằng văn bản*).
- Xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt và thẩm quyền xử phạt.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm thực hiện quyền giải trình (Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012):

- Đối với hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật quy định áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc áp dụng mức phạt tiền tối đa của

khung tiền phạt đối với hành vi đó **từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức** thì cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền **giải trình** trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trước khi ra quyết định xử phạt.

- Trường hợp giải trình bằng văn bản, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải gửi văn bản giải trình cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp thì người có thẩm quyền có thể gia hạn thêm không quá 05 ngày theo đề nghị của cá nhân, tổ chức vi phạm.

- Trường hợp giải trình trực tiếp, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Người có thẩm quyền xử phạt phải thông báo bằng văn bản cho người vi phạm về thời gian và địa điểm tổ chức phiên giải trình trực tiếp trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của người vi phạm.

**** Lưu ý:** Việc giải trình trực tiếp được lập thành biên bản và phải có chữ ký của các bên liên quan; trường hợp biên bản gồm nhiều tờ thì các bên phải ký vào từng tờ biên bản. Biên bản này phải được lưu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính và giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hoặc người đại diện hợp pháp của người vi phạm 01 bản.*

3. Chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự:

Nếu xét thấy có dấu hiệu tội phạm, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự theo quy định tại Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

4. Không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong các trường hợp sau:

- a) Thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong tình thế cấp thiết;
- b) Thực hiện hành vi vi phạm hành chính do phòng vệ chính đáng;
- c) Thực hiện hành vi vi phạm hành chính do sự kiện bất ngờ;
- d) Thực hiện hành vi vi phạm hành chính do sự kiện bất khả kháng;
- đ) Người thực hiện hành vi vi phạm hành chính không có năng lực trách nhiệm hành chính; người thực hiện hành vi vi phạm hành chính chưa đủ tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.
- e) Không xác định được đối tượng vi phạm hành chính;
- g) Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt *quy định tại khoản 3 Điều 63 hoặc khoản 1 Điều 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;*
- h) Cá nhân vi phạm hành chính chết, mất tích, tổ chức vi phạm hành chính đã giải thể, phá sản trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt;

i) Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định.

*** Lưu ý:** Đối với trường hợp nêu trên người có thẩm quyền không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng có thể ban hành quyết định tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính thuộc loại cấm lưu hành và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Quyết định ghi rõ lý do không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; tang vật bị tịch thu, tiêu hủy; biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng, trách nhiệm và thời hạn thực hiện.

- Bước 5: Chuẩn bị ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

1. Thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

- Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản.

- Quá thời hạn quy định thì người có thẩm quyền xử phạt không ra quyết định xử phạt nhưng vẫn quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định, quyết định tịch thu tang vật phương tiện vi phạm sung vào ngân sách nhà nước (theo Khoản 1, 2 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012)

2. Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

- Trường hợp một cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính mà bị xử phạt trong cùng một lần thì chỉ ra 01 quyết định xử phạt, trong đó quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm hành chính.

- Trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính hoặc thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính khác nhau trong cùng một vụ vi phạm thì có thể ra 01 hoặc nhiều quyết định xử phạt để quyết định hình thức, mức xử phạt.

- Quyết định xử phạt có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ trường hợp trong quyết định quy định ngày có hiệu lực khác. (Các nội dung trên theo Điều 67, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012)

- Nội dung quyết định xử phạt phải ghi rõ: Địa danh, ngày, tháng, năm ra quyết định; Căn cứ pháp lý để ban hành quyết định; Biên bản vi phạm hành chính, kết quả xác minh, văn bản giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hoặc biên bản họp giải trình và tài liệu khác (nếu có); Họ, tên, chức vụ của người ra quyết định; Họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; Hành vi vi phạm hành chính; tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng; Điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng; Hình thức xử phạt chính; hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có); Quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Hiệu lực của quyết định, thời hạn và nơi thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nơi nộp tiền phạt; Họ tên, chữ ký của người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Trách nhiệm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và việc cưỡng chế trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính

không tự nguyện chấp hành (theo Điều 68, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Mẫu quyết định số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ).

3. Thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế

Được quy định cụ thể tại Điều 89 đến Điều 93 của Nghị định 176/2013/NĐ-CP.

Thẩm quyền xử phạt tiền của các chức danh này là thẩm quyền đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân. Trong trường hợp phạt tiền thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân.

*** Lưu ý:**

- Hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả chỉ được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính đối với những hành vi vi phạm hành chính có quy định hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định cụ thể tại Nghị định số 176/2013/NĐ-CP.

- Mỗi vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính chỉ bị áp dụng một hình thức xử phạt chính; có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung. Hình thức xử phạt bổ sung chỉ được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính.

- Hình thức xử phạt Cảnh cáo được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không nghiêm trọng, có tình tiết giảm nhẹ và theo quy định cụ thể tại một số hành vi vi phạm nhất định trong Nghị định số 176/2013/NĐ-CP. Cảnh cáo được quyết định bằng văn bản.

- Đối với hình thức phạt tiền: Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt.

- Bước 6: Thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

1. Gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt, cơ quan thu tiền phạt và cơ quan liên quan khác (nếu có) để thi hành. (theo Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

2. Thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó. (theo Khoản 1, Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

3. Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, kể từ ngày ra quyết định, quá thời hạn này thì không thi hành quyết định đó. Trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thì thời hiệu nói trên được tính kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, trì hoãn. (theo Điều 74 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

*** Lưu ý:**

- Đối với trường hợp quyết định được giao trực tiếp mà cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình không nhận quyết định thì người có thẩm quyền lập biên bản về việc không nhận quyết định có xác nhận của chính quyền địa phương và được coi là quyết định đã được giao. (Trường hợp này phải lập biên bản về việc cá nhân, tổ chức vi phạm không nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo mẫu biên bản số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ).

- Chuyển quyết định xử phạt để tổ chức thi hành trong trường hợp vi phạm hành chính xảy ra ở địa bàn cấp huyện này nhưng cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở ở địa bàn cấp huyện khác mà việc đi lại gặp khó khăn và cá nhân, tổ chức vi phạm không có điều kiện chấp hành quyết định xử phạt tại nơi bị xử phạt thì quyết định xử phạt được chuyển đến cơ quan cùng cấp nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở để tổ chức thi hành. Cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ, giấy tờ liên quan; tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (nếu có) cho cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành theo quy định. Cá nhân, tổ chức vi phạm có trách nhiệm trả chi phí vận chuyển hồ sơ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

- Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì vẫn phải chấp hành quyết định xử phạt, trừ trường hợp trong quá trình giải quyết khiếu nại, khởi kiện nếu xét thấy việc thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính bị khiếu nại, khởi kiện sẽ gây hậu quả khó khắc phục thì người giải quyết khiếu nại, khởi kiện phải ra quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định đó theo quy định của pháp luật.

- Bước 7: Cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (nếu có):

1. Được áp dụng trong trường hợp sau đây:

Cá nhân, tổ chức Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính đã quá thời hạn chấp hành hoặc quá thời hạn hoãn chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc đã quá thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra mà không tự nguyện chấp hành.

2. Các biện pháp cưỡng chế bao gồm:

- + Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm;
- + Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá;

+ Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản;

+ Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

(Theo Khoản 2, Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012)

3. Thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Thẩm quyền được xác định theo quy định tại Khoản 1 Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Người có thẩm quyền cưỡng chế có thể giao quyền cho cấp phó. Việc giao quyền chỉ được thực hiện khi cấp trưởng vắng mặt và phải được thể hiện bằng văn bản (*Quyết định về việc giao quyền theo mẫu quyết định số 30 ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ*), trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn được giao quyền. Cấp phó được giao quyền phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước cấp trưởng và trước pháp luật. Người được giao quyền không được giao quyền, ủy quyền tiếp cho bất kỳ cá nhân nào khác.

III. THỜI HIỆU XỬ PHẠT VÀ THỜI HẠN

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính:

- Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực y tế là 01 năm.
- Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định như sau:
 - + Đối với vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm;
 - + Đối với vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.
- Trong thời hạn này mà cá nhân, tổ chức cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.
- Trường hợp hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính mà hành vi vi phạm hành chính chưa bị xử phạt thì người có thẩm quyền không thực hiện xử phạt vi phạm hành chính mà áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính:

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo hoặc 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà không tái phạm thì được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

3. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả:

3.1. Các hình thức xử phạt chính gồm: *(Chỉ áp dụng đối với các hành vi vi phạm được liệt kê tại Mục I.1 bản hướng dẫn này)*

- Cảnh cáo;

- Phạt tiền;

3.2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Không đặt ra đối với các hành vi vi phạm được liệt kê tại Mục I.1 bản hướng dẫn này.

3.3. Biện pháp khắc phục hậu quả

Đối với mỗi vi phạm hành chính, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả. Biện pháp khắc phục hậu quả đã được liệt kê cùng với hình thức xử phạt chính tại Mục I.1 bản hướng dẫn này.

Trên đây là một số quy định, nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính liên quan đến lĩnh vực phòng chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh An Giang. Những nội dung tại văn bản này mang tính định hướng, khái quát và củng cố lại nghiệp vụ do đó không thể bao quát hết các trường hợp phát sinh. Những trường hợp cụ thể đề nghị địa phương nghiên cứu và áp dụng các quy định pháp luật có liên quan.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc đề nghị quý đơn vị phản ánh về cơ quan chuyên môn để có ý kiến./.

Nơi nhận:

- TT.UBND tỉnh (b/c);
- Như trên;
- Sở Y tế (để biết);
- Lưu: VT; XDKT&TDTHPL.

GIÁM ĐỐC

Cao Thanh Sơn